

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 17/2012/NQ-HĐND

*Quảng Trị, ngày 17 tháng 8 năm 2012*

**NGHỊ QUYẾT  
Về phổ cập bậc trung học tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2012 - 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ  
KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Công văn số 3420/THPT ngày 23 tháng 4 năm 2003 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện phổ cập bậc trung học và Công văn số 10819/GDTrH ngày 07 tháng 12 năm 2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc điều chỉnh tiêu chuẩn phổ cập bậc trung học;

Xét Tờ trình số 2360/TTr-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2012 của UBND tỉnh kèm theo Đề án Phổ cập bậc trung học tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2012 - 2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh và ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Đề án Phổ cập bậc trung học tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2012 - 2020, với những nội dung chính sau:

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu chung**

Phổ cập bậc trung học giai đoạn 2012 - 2020 nhằm nâng cao dân trí một cách toàn diện, phấn đấu hầu hết công dân của tỉnh Quảng Trị đến hết tuổi 21 đạt được trình độ học vấn trung học (bao gồm trung học phổ thông, trung học chuyên nghiệp và trung học nghề 03 năm trở lên), góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và thực hiện hội nhập với giáo dục khu vực, thế giới.

**2. Mục tiêu cụ thể**

a) Duy trì, củng cố vững chắc kết quả phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở, tạo điều kiện và nền tảng vững chắc cho việc triển khai phổ cập bậc trung học.

b) Tập trung nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục trung học phổ thông, bỏ túc trung học phổ thông; bảo đảm để mọi học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản về hướng nghiệp.

c) Xây dựng và nâng cấp hệ thống trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trung học chuyên nghiệp, trung tâm dạy nghề, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp, trung tâm học tập cộng đồng:

- Phân đầu đến năm 2015 có 100% trường tiểu học, 70% số trường trung học cơ sở, 40% số trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia;

- Đến năm 2020 có 100% trường tiểu học đạt chuẩn mức độ II; 100% trường trung học cơ sở và 80% trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia. Bảo đảm 100% yêu cầu chuẩn về thiết bị dạy học, phòng thí nghiệm, thư viện trường học ở bậc trung học;

- Phân đầu đến năm 2015 có ít nhất 80/141 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn, tỷ lệ 56,74% trong đó có 03 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn phổ cập bậc trung học (thành phố Đông Hà, thị xã Quảng Trị và huyện đảo Cồn Cỏ);

- Đến năm 2018 tỉnh Quảng Trị đạt chuẩn quốc gia phổ cập bậc trung học, với 10/10 huyện và 129/141 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn, tỷ lệ 91,48%;

- Đến năm 2020 tỉnh Quảng Trị đạt chuẩn quốc gia phổ cập bậc trung học với 10/10 huyện và 138/141 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn, tỷ lệ 97,87%.

## **II. KẾ HOẠCH VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN**

1. Giai đoạn 1 (từ 2012 - 2015): Có 80/141 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn, tỷ lệ 56,74%.

2. Giai đoạn 2 (từ 2016 - 2018): Tỉnh Quảng Trị đạt chuẩn quốc gia phổ cập bậc trung học với 10/10 huyện, thị xã, thành phố và 129/141 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn, tỷ lệ 91,48%.

3. Giai đoạn 3 (từ 2019 - 2020): Tỉnh Quảng Trị hoàn thành công tác phổ cập bậc trung học với 10/10 huyện, thị xã, thành phố và 138/141 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn (97,87%).

## **III. CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, quản lý điều hành của chính quyền các cấp; xác định rõ trách nhiệm và phát huy mạnh mẽ vai trò của các Ban ngành, đoàn thể, các tổ chức đối với sự nghiệp giáo dục, xây dựng xã hội học tập nói chung và công tác phổ cập bậc trung học nói riêng.

2. Thực hiện tuyên truyền thường xuyên, với hình thức linh hoạt, sâu rộng cho các tầng lớp nhân dân nhận thức sâu sắc “Phổ cập giáo dục là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, nhằm tạo nền tảng vững chắc để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao góp phần thực hiện thành công một trong ba khâu đột phá trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020” (Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Bộ Chính trị), đồng thời hiểu rõ các tiêu chuẩn, mục đích, ý nghĩa của công tác phổ cập bậc trung học đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

3. Tiếp tục chỉ đạo sâu sát, tổ chức kiểm tra, đánh giá thực chất việc duy trì, củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập mầm non trẻ 5 (năm) tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học cơ sở làm nền tảng vững chắc cho phổ cập bậc trung học.

4. Tập trung thực hiện tốt việc tuyên truyền nâng cao nhận thức định hướng nghề nghiệp, làm tốt công tác phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở, tạo điều kiện để các em học sinh tham gia học tập tại các trường trung học chuyên nghiệp, trung cấp nghề trong và ngoài tỉnh nhằm nâng cao tỷ lệ lao động được đào tạo nghề trên toàn tỉnh.

5. Tăng cường đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của học sinh; áp dụng có hiệu quả công nghệ thông tin vào dạy học, nhằm nâng cao chất lượng dạy và học ở bậc trung học. Thực hiện tốt việc tập huấn nghiệp vụ làm công tác phổ cập bậc trung học cho cán bộ quản lý và cán bộ trực tiếp làm công tác phổ cập.

6. Huy động mọi nguồn lực xã hội hóa để hỗ trợ phát triển mạng lưới trường lớp, nâng cấp cơ sở vật chất ở các cấp học, bậc học nhất là các trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp, các trường trung cấp chuyên nghiệp, dạy nghề. Bổ sung thiết bị, đồ dùng dạy học theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa. Đẩy mạnh tiến độ xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia ở các cấp học, bậc học phục vụ thiết thực công tác phổ cập, đáp ứng tiêu chuẩn phổ cập, đồng thời tạo điều kiện nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

7. Chỉ đạo thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với giáo viên, học sinh tại các vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn và chế độ hỗ trợ đối với người trong độ tuổi tham gia học các lớp phổ cập bậc trung học như đã áp dụng đối với phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

Tiếp tục đầu tư, nâng cấp các trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh, huyện; quy hoạch để xây dựng các trường bán trú ở các địa bàn đặc biệt khó khăn để đào tạo học sinh người dân tộc nhằm phát triển nguồn lực cho vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn.

8. Huy động các lực lượng xã hội phối hợp tham gia tuyên truyền, vận động, hỗ trợ con em trong độ tuổi đến trường với tỷ lệ cao nhất.

9. Thực hiện tốt việc công khai minh bạch, việc triển khai và thực hiện các chính sách về giáo dục đào tạo. Tăng cường tốt công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát từ ban chỉ đạo, các cơ quan chuyên môn để đảm bảo nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, phòng ngừa ngăn chặn tiêu cực xảy ra. Biểu dương kịp thời người tốt, việc tốt, những địa phương, đơn vị làm tốt công tác phổ cập bậc trung học.

#### IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nhu cầu kinh phí:	121.000.000.000 đồng.
Trong đó:	
- Chương trình mục tiêu (chi xây dựng cơ bản):	12.000.000.000 đồng.
- Ngân sách tỉnh (chi thường xuyên + chi xây dựng cơ bản):	57.000.000.000 đồng;
- Ngân sách cấp huyện và xã hội hóa (chi xây dựng cơ bản):	52.000.000.000 đồng.
2. Phân kỳ đầu tư:	
- Giai đoạn 2012 - 2015:	56.000.000.000 đồng;
- Giai đoạn 2016 - 2020:	65.000.000.000 đồng.

*(Có Phụ lục I, Phụ lục II kèm theo)*

**Điều 2.** Giao UBND tỉnh hướng dẫn tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Giao Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh phối hợp với Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị xã hội giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh khóa VI, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 17 tháng 8 năm 2012 và có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày thông qua.

**CHỦ TỊCH**

**Lê Hữu Phúc**

**Phụ lục I**  
**TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN**  
**PHỔ CẬP BẬC TRUNG HỌC TỪ 2012 - 2020**  
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2012/NQ-HĐND*  
*ngày 17 tháng 8 năm 2012 của HĐND tỉnh Quảng Trị)*

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

Số TT	Nội dung chi	Giai đoạn 2012 - 2020	Trong đó	
			Giai đoạn 2012 - 2015	Giai đoạn 2016 - 2020
	<b>Tổng kinh phí</b>	<b>121.000.000</b>	<b>56.000.000</b>	<b>65.000.000</b>
<b>I</b>	<b>CHI CHO VIỆC ĐIỀU TRA, IN PHIẾU</b>	<b>2.235.000</b>	<b>1.304.000</b>	<b>931.000</b>
1	Chi điều tra tận hộ	1.851.000	1.080.000	771.000
2	Chi in mẫu phiếu điều tra	384.000	224.000	160.000
<b>II</b>	<b>XÂY DỰNG ĐỀ ÁN, BÁO CÁO HÀNG NĂM</b>	<b>180.000</b>	<b>130.000</b>	<b>50.000</b>
1	Tổng hợp, phân tích số liệu	50.000	50.000	0
2	Xây dựng đề án	50.000	50.000	0
3	Tổng hợp số liệu, báo cáo hàng năm, lưu trữ	80.000	30.000	50.000
<b>III</b>	<b>CẤP TỈNH CHỈ ĐẠO, KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ</b>	<b>360.000</b>	<b>160.000</b>	<b>200.000</b>
<b>IV</b>	<b>BỒI DƯỠNG, TẬP HUẤN HÀNG NĂM</b>	<b>240.000</b>	<b>90.000</b>	<b>150.000</b>
<b>V</b>	<b>ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA</b>	<b>117.600.000</b>	<b>54.100.000</b>	<b>63.500.000</b>
1	Các trường THPT	62.500.000	28.400.000	34.100.000
1.1	Kinh phí từ Chương trình mục tiêu quốc gia	12.000.000	6.000.000	6.000.000
1.2	Kinh phí từ ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	50.478.000	22.370.000	28.108.000
2	Các trường THCS	55.100.000	25.700.000	29.400.000
2.1	Kinh phí từ ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	3.000.000	1.500.000	1.500.000
2.2	Kinh phí từ ngân sách địa phương (cấp huyện) và xã hội hóa	52.100.000	24.200.000	27.900.000

**Phụ lục II**  
**DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐẠT CHUẨN**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2012/NQ-HĐND ngày 17 tháng 8 năm 2012 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Số TT	Tên trường	Hạng mục	Diện tích	Đơn vị	Đơn giá	Dự kiến đầu tư	Thời gian thực hiện
<b>I</b>	<b>CÁC TRƯỜNG THPT</b>					<b>62.500.00</b>	
1	THPT Cam Lộ	Nhà học 02 tầng, 08 phòng	680	m <sup>2</sup>	4.554	3.096.720	2013
2	THPT Vĩnh Định	Nhà đa chức năng	750	m <sup>2</sup>	4.180	3.135.000	2013
3	THPT Lê Lợi	Sân thể dục, nhà vệ sinh	8.000	m <sup>2</sup>	440	3.520.000	2013
4	THPT chuyên Lê Quý Đôn	Nhà học 10 phòng	850	m <sup>2</sup>	4.554	3.870.900	2014
5	THPT Triệu Phong	Nhà học 10 phòng	850	m <sup>2</sup>	4.554	3.870.900	2014
6	THPT Gio Linh	Nhà đa chức năng	750	m <sup>2</sup>	4.180	3.135.000	2014
7	THPT Cửa Tùng	Nhà học 10 phòng	850	m <sup>2</sup>	4.554	3.870.900	2015
8	THPT Hải Lăng	Nhà học 10 phòng	850	m <sup>2</sup>	4.554	3.870.900	2015
9	THPT Lao Bảo	Nhà học 10 phòng	850	m <sup>2</sup>	5.009	4.257.990	2016
10	THPT Hướng Hóa	Nhà học 10 phòng + Nhà chức năng	10 x 85 + 50	m <sup>2</sup>	4554 + 4180	7.706.490	2016
11	THPT Cồn Tiên	Nhà đa chức năng	750	m <sup>2</sup>	4.598	3.448.500	2016
12	THPT Nam Hải Lăng	Nhà học 08 phòng + Nhà đa chức năng	8 x 85 + 750	m <sup>2</sup>	4554 + 180	6.231.720	2017
13	THPT Trần Thị Tâm	Nhà đa chức năng	750	m <sup>2</sup>	4.180	3.135.000	2017
14	THPT Ché Lan Viên	Nhà Hiệu bộ 08 phòng	680	m <sup>2</sup>	4.554	3.096.720	2017
15	THPT Nguyễn Hữu Thận	Nhà học 08 phòng	680	m <sup>2</sup>	4.554	3.096.720	2018
16	THPT Chu Văn An	Nhà đa chức năng	750	m <sup>2</sup>	4.180	3.135.000	2018

<b>II</b>	<b>CÁC TRƯỜNG THCS</b>						<b>55.100.000</b>	
	Huyện Hướng Hóa							
1	THCS Tân Long	Nhà học 06 phòng (gồm 01 phòng học bộ môn)	510	m <sup>2</sup>	4.554	2.322.540	2013	
		Nhà đa chức năng	750	m <sup>2</sup>	4.598	3.448.500	2014	
2	THCS Tân Liên	Nhà học 6 phòng (gồm 01 phòng học bộ môn)	510	m <sup>2</sup>	4.554	2.322.540	2014	
		Nhà đa chức năng	750	m <sup>2</sup>	4.598	3.448.500	2015	
3	THCS Tân Lập	Nhà học 06 phòng (gồm 01 phòng học bộ môn)	510	m <sup>2</sup>	4.554	2.322.540	2016	
		Nhà đa chức năng	750	m <sup>2</sup>	4.598	3.448.500	2017	
4	THCS Hướng Phùng	Nhà học 06 phòng (gồm 01 phòng học bộ môn)	510	m <sup>2</sup>	4.554	2.322.540	2017	
		Nhà đa chức năng	750	m <sup>2</sup>	4.598	3.448.500	2018	
	<b>Huyện Đakrông</b>							
1	THCS TT Krông Klang	Nhà Hiệu bộ 10 phòng (gồm cả 02 phòng: thiết bị và Văn phòng)	850	m <sup>2</sup>	4.554	3.870.900	2013	
		01 nhà vệ sinh	30	m <sup>2</sup>	8.778	263.340	2014	
		01 nhà đa chức năng	750	m <sup>2</sup>	4.598	3.448.500	2016	
2	THCS A Bung	08 phòng học	680	m <sup>2</sup>	4.554	3.096.720	2013	
		04 phòng bộ môn	680	m <sup>2</sup>	4.554	3.096.720	2014	
		Nhà hiệu bộ 10 phòng (gồm cả 03 phòng: thiết bị, thư viện, Văn phòng)	850	m <sup>2</sup>	4.554	3.870.900	2015	
		02 nhà vệ sinh	60	m <sup>2</sup>	8.778	526.680	2016	
		01 nhà đa chức năng	750	m <sup>2</sup>	4.598	3.448.500	2017	
3	THCS Hướng Hiệp	04 phòng bộ môn	680	m <sup>2</sup>	4.554	3.096.720	2016	
		Nhà Hiệu bộ 10 phòng (gồm cả 03 phòng: thiết bị, thư viện và văn phòng)	850	m <sup>2</sup>	4.554	3.870.900	2017	
		01 nhà đa chức năng	750	m <sup>2</sup>	4.598	3.448.500	2018	
	<b>Tổng cộng (I + II)</b>					<b>117.600.000</b>	<b>0</b>	